



Bản tin Thuế

Quý I năm 2015

< Cập nhật những quy định mới về chính sách nhà nước liên quan đến doanh nghiệp >



CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

Trong số này:

Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế cho Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006	1 - 3
Thông tư 26/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện về thuế GTGT, quản lý thuế và hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ	4 - 10
Thông tư 202/2015/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất	11
Thông tư 09/2015/TT-BTC hướng dẫn giao dịch tài chính của doanh nghiệp	12
Thông tư 05/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	13
Nghị định 05/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động	13
Nghị định 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư	13
Thông tư 01/2015/TT-BTC hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết	14
Nghị định 128/2014/NĐ-CP về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước	14
Thu cố tức được chia và lợi nhuận còn lại năm 2015	15
Thông tư 205/2014/TT-BTC hướng dẫn về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình thủ tục công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp	15
Thông tư 199/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm	16



Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế cho Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009. Những nội dung tại các Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam không trái với Thông tư này vẫn còn hiệu lực. Sau đây là một số điểm mới nổi bật của Thông tư 200/2014/TT-BTC:

I. ĐƯỢC DÙNG NGOẠI TỆ LÀM ĐƠN VỊ TIỀN TỆ ĐỂ GHI SỔ KẾ TOÁN

Các doanh nghiệp có nghiệp vụ thu, chi chủ yếu bằng ngoại tệ, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tại Điều 4 Thông tư này sẽ được chọn một loại ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

Doanh nghiệp sử dụng ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ trong kế toán thì đồng thời với lập Báo cáo tài chính (BCTC) theo ngoại tệ còn phải chuyển đổi BCTC sang Đồng Việt Nam.

BCTC mang tính pháp lý để công bố ra công chúng và nộp các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam là BBTC được trình bày bằng Đồng Việt Nam.

Việc thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán nếu không thỏa các tiêu chuẩn tại Điều 4 Thông tư này sẽ chỉ được thực hiện tại thời điểm bắt đầu niên độ kế toán mới.

II. TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

1. Các tài khoản Tài sản, Nợ phải trả không phân biệt ngắn hạn và dài hạn.
2. Bỏ tài khoản: 129, 139, 142, 144, 159, 311, 315, 342, 351, 415, 431, 512, 531, 532 và toàn bộ tài khoản ngoài bảng

3. Thêm tài khoản:

Tài khoản 171 – Giao dịch mua, bán lại trái phiếu Chính phủ
Tài khoản 353 – Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Tài khoản 356 – Quỹ phát triển khoa học và công nghệ
Tài khoản 357 – Quỹ bình ổn giá
Tài khoản 417 – Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

4. Thay đổi tên các tài khoản sau:

Tài khoản 121 – Chứng khoán kinh doanh (trước đây gọi là Đầu tư chứng khoán ngắn hạn)
Tài khoản 128 – Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (trước đây là Đầu tư ngắn hạn khác)
Tài khoản 222 – Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (trước đây là Góp vốn liên doanh)
Tài khoản 228 – Đầu tư khác (trước đây là Đầu tư dài hạn khác)
Tài khoản 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (trước đây là Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn)
Tài khoản 242 – Chi phí trả trước (trước đây là Chi phí trả trước dài hạn)
Tài khoản 244 – Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (trước đây là Ký quỹ, ký cược dài hạn)
Tài khoản 341 – Vay và nợ thuê tài chính (trước đây là Vay dài hạn)
Tài khoản 343 – Nhận ký quỹ, ký cược (trước đây là Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn)
Tài khoản 411 – Vốn đầu tư của chủ sở hữu (trước đây là Nguồn vốn kinh doanh)

Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (trước là Lợi nhuận chưa phân phối)
Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu (gộp 3 tài khoản 521, 531, 532 trước đây)

5. Hướng dẫn cụ thể nguyên tắc kế toán đối với từng loại tài khoản.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thông tin bắt buộc trong BCTC không còn “Thuế và các khoản nộp Nhà nước”.

2. Kỳ lập BCTC giữa niên độ sẽ gồm BCTC quý (cả quý IV) và BCTC bán niên (trước chỉ yêu cầu BCTC quý và không cần quý IV).

3. Thêm các quy định mới về Xây dựng nguyên tắc kế toán và BCTC khi doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục (Điều 106).

4. Sửa đổi, bổ sung nhiều chỉ tiêu của Bảng Cân đối kế toán, cụ thể:

Mã số 120 = Mã số 121 + 122 + 123 (trước đây là 121 + 129)

Mã số 130 = 131 + 132 + 133 + 134 + 135 + 136 + 137 + 139 (trước đây không có 136, 137)

Mã số 150 = 151 + 152 + 153 + 154 + 155 (trước đây không có 153, 154 nhưng có 158)

Mã số 200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260 (trước đây không có 230)

5. Phần Thuyết minh báo cáo tài chính cũng có nhiều sự thay đổi, bổ sung các chỉ tiêu như:

- Phần đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp bổ sung thêm: chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường; cấu trúc doanh nghiệp.

- Phần chính sách kế toán áp dụng chia ra chỉ tiêu cụ thể cho 2 trường hợp Doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục và Doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

- Phần thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng Cân đối kế toán thêm chỉ tiêu: nợ xấu; vay và nợ thuê tài chính; tài sản dở dang dài hạn...

IV. CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Doanh nghiệp được chủ động xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán nhưng phải đáp ứng được các yêu cầu của Luật Kế toán và đảm bảo rõ ràng, minh bạch.

Các loại chứng từ kế toán tại Phụ lục 3 Thông tư chỉ mang tính hướng dẫn. Trường hợp doanh nghiệp không tự xây dựng, thiết kế cho riêng mình được thì có thể áp dụng theo Phụ lục 3.

V. SỔ KẾ TOÁN

Doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ. Trường hợp không tự xây dựng có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo phụ lục 4 Thông tư.

Ngoài ra, Thông tư còn có quy định mới hướng dẫn chuyển đổi số dư trên sổ kế toán và điều khoản hồi tố.

1. Chuyển đổi số dư trên sổ kế toán

1.1. Doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số dư các tài khoản sau:

- Số dư chi tiết về vàng, bạc, kim khí quý, đá quý đang phản ánh trên TK 1113 và 1123 được chuyển đổi như sau:

+ Giá trị vàng (loại không được coi là vàng tiền tệ), bạc, kim khí quý, đá quý được sử dụng là hàng tồn kho được chuyển sang phản ánh trên các tài khoản có liên quan về hàng tồn kho,

như: TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu hoặc TK 156 - Hàng hóa theo nguyên tắc phù hợp với mục đích sử dụng và phân loại tại doanh nghiệp;

+ Giá trị vàng (loại không được coi là vàng tiền tệ), bạc, kim khí quý, đá quý không được sử dụng là hàng tồn kho được chuyển sang phản ánh trên TK 2288 - Đầu tư khác;

- Số dư các khoản trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn, không nắm giữ vì mục đích kinh doanh (mua vào để bán ra với mục đích kiếm lời qua chênh lệch giá mua, bán) đang phản ánh trên TK 1212 đầu tư chứng khoán ngắn hạn được chuyển sang TK 128 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (chi tiết cho từng TK cấp 2);

- Số dư các khoản cho vay, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn đang phản ánh trên TK 228 - Đầu tư dài hạn khác được chuyển sang TK 128 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (chi tiết cho từng TK cấp 2);

- Giá trị của hàng hóa bất động sản do doanh nghiệp xây dựng, sản xuất, đang theo dõi trên TK 1567 - Hàng hóa bất động sản được chuyển sang theo dõi trên tài khoản 1557 - Thành phẩm bất động sản. TK 1567 chỉ phản ánh những bất động sản do doanh nghiệp mua vào để bán ra như những loại hàng hóa khác.

- Số dư TK 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn được chuyển sang TK 242 - Chi phí trả trước;

- Số dư TK 144 - Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn được chuyển sang TK 244 - Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược;

- Số dư các khoản dự phòng đang phản ánh trên các TK 129, 139, 159 được chuyển sang TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (chi tiết cho từng TK cấp 2 phù hợp với nội dung dự phòng);

- Giá trị bất động sản do doanh nghiệp đầu tư, xây dựng (không phải mua vào để bán ra như hàng hóa) đang phản ánh là hàng hóa bất động sản trên TK 1567 được chuyển sang Tài khoản 1557 - Thành phẩm bất động sản;

- Số dư các khoản đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên TK 223 được chuyển sang TK 222 - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;

- Số dư TK 311 - Nợ ngắn hạn, TK 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả, TK 342 - Nợ dài hạn chuyển sang TK 341 - Vay và nợ thuê tài chính;

- Khoản trích trước chi phí sửa chữa, duy trì cho TSCĐ hoạt động bình thường (đối với những TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật phải sửa chữa định kỳ), chi phí hoàn nguyên môi trường, hoàn trả mặt bằng và các khoản có tính chất tương tự đang phản ánh trên TK 335 - Chi phí phải trả được chuyển sang TK 352 - Dự phòng phải trả (chi tiết TK 3524);

- Số dư TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển;

1.2. Các nội dung khác đang phản ánh chi tiết trên các tài khoản có liên quan nếu trái so với Thông tư này thì phải điều chỉnh lại theo quy định của Thông tư này.

2. Điều khoản hồi tố

- Các doanh nghiệp là chủ đầu tư bất động sản (kể cả trường hợp tự thi công bất động sản) đã ghi nhận doanh thu đối với số tiền thu trước của khách hàng theo tiến độ, nếu công trình chưa hoàn thành trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì phải sửa chữa sai sót do đã ghi nhận doanh thu và hồi tố Báo cáo tài chính theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".

- Các doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia đã sử dụng để đánh giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá phải điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính để phản ánh khoản cổ tức, lợi nhuận được chia đó ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

- Doanh nghiệp không tiếp tục trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá và không phải hồi tố toàn bộ chi phí khấu hao lũy kế đã trích từ các kỳ trước.

- Doanh nghiệp báo cáo lại thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư này và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thuyết minh lý do là có sự thay đổi trong Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 05/02/2015 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Thông tư 26/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện về thuế GTGT, quản lý thuế và hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ

Ngày 27/02/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 26/2015/TT-BTC và Công văn 767/TCT-CS ngày 05/03/2015 hướng dẫn về thuế GTGT và Quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.



Dưới đây là một số nội dung mới của Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 về thuế GTGT, quản lý thuế và hóa đơn:

1. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về thuế GTGT.

a) Điều 4:

+ Bổ sung vào đối tượng không chịu thuế đối với các mặt hàng sau:

Phân bón là các loại phân hữu cơ và phân vô cơ như: phân lân, phân đạm (urê), phân NPK, phân đạm hỗn hợp, phân phốt phát, bồ tạt; phân vi sinh và các loại phân bón khác;

Thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn cho vật nuôi khác, bao gồm các loại sản phẩm đã qua chế biến hoặc chưa qua chế biến như cám, bã, khô dầu các loại, bột cá, bột xương, bột tôm, các loại thức ăn khác dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản và vật nuôi khác, các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi (như premix, hoạt chất và chất mang) theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 5/2/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi và khoản 2, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Tàu đánh bắt xa bờ là tàu có công suất máy chính từ 90CV trở lên làm nghề khai thác hải sản hoặc dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác hải sản; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ khai thác, bảo quản sản phẩm cho tàu cá có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên làm nghề khai thác hải sản hoặc dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác hải sản;

Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp gồm: máy cày; máy bừa; máy phay; máy rạch hàng; máy bạt gốc; thiết bị san phẳng đồng ruộng; máy gieo hạt; máy cấy; máy trồng mía; hệ thống máy sản xuất mại phẩm; máy xới, máy vun luống, máy vãi, rắc phân, bón phân; máy, bình phun thuốc bảo vệ thực vật; máy thu hoạch lúa, ngô, mía, cà phê, bông; máy thu hoạch củ, quả, rễ; máy đồn chè, máy hái chè; máy tuốt đập lúa; máy bóc bẹ tẻ hạt ngô; máy tẻ ngô; máy đập đậu tương; máy bóc vỏ lạc; xát vỏ cà phê; máy, thiết bị sơ chế cà phê, thóc ướt; máy sấy nông sản (lúa, ngô, cà phê, tiêu, điều...), thủy sản; máy thu gom,

bốc mía, lúa, rơm rạ trên đồng; máy ấp, nở trứng gia cầm; máy thu hoạch cỏ, máy đóng kiện rơm, cỏ; máy vắt sữa và các loại máy chuyên dùng khác.

Trước đây: áp dụng thuế suất 5% và 10% (tàu đánh bắt xa bờ).

+ Bổ sung hướng dẫn trường hợp bên đi vay khi thực hiện thủ tục bàn giao tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật cho ngân hàng thì không phải xuất hóa đơn GTGT.

Trước đây: chưa hướng dẫn cụ thể.

b) Điều 7:

Bổ sung điểm a.8, a.9 vào khoản 10 về giá tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, cụ thể:

+ a.8) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá ghi trong hợp đồng góp vốn. Trường hợp giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn giá đất nhận góp vốn thì chỉ được trừ giá đất theo giá chuyển nhượng.

+ a.9) Trường hợp cơ sở kinh doanh bất động sản ký hợp đồng với hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp để hoán đổi đất nông nghiệp thành đất ở, việc hoán đổi này phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai thì khi giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân, giá tính thuế GTGT là giá chuyển nhượng trừ (-) giá đất được trừ theo quy định. Giá chuyển nhượng là giá đền bù tương ứng với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi theo phương án do cơ quan chức năng phê duyệt.

Trước đây: chưa hướng dẫn cụ thể.

c) Điều 9:

Bổ sung hướng dẫn không áp dụng mức thuế suất 0% đối với thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu.

Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu thì khi xuất khẩu không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

d) Điều 10:

Bổ sung hướng dẫn vật tư hóa chất xét nghiệm, diệt khuẩn dùng trong y tế áp dụng thuế suất 5% "theo xác nhận của Bộ Y tế."

Trước đây: chưa hướng dẫn có xác nhận của Bộ Y tế.

e) Điều 14:

+ Bổ sung doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT vào công thức tính phân bổ để xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, cụ thể:

"...Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so

với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được”.

+ Bổ sung hướng dẫn về khấu trừ thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa chuyển sang đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“14a. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định phục vụ cho sản xuất: phân bón, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tàu đánh bắt xa bờ, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn cho vật nuôi khác tiêu thụ trong nước không được kê khai, khấu trừ mà tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định mua vào thể hiện trên hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu phát sinh trước ngày 01 tháng 01 tháng 2015 đáp ứng điều kiện khấu trừ, hoàn thuế và thuộc diện hoàn thuế theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 và Thông tư này.”

f) Điều 15:

+ Bổ sung hướng dẫn không cần chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt trong trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

Trước đây: chưa hướng dẫn cụ thể.

+ Bổ sung hướng dẫn về xác định nhà cung cấp trong trường hợp sau:

“Trường hợp người nộp thuế là cơ sở kinh doanh có các cửa hàng là các đơn vị phụ thuộc sử dụng chung mã số thuế và mẫu hóa đơn của cơ sở kinh doanh, trên hóa đơn có tiêu thức “Cửa hàng số” để phân biệt các cửa hàng của cơ sở kinh doanh và có đóng dấu treo của từng cửa hàng thì mỗi cửa hàng là một nhà cung cấp.”

g) Điều 16:

Bổ sung hướng dẫn trong trường hợp phía nước ngoài nộp tiền vào tài khoản vãng lai để thanh toán cho cơ sở kinh doanh của Việt Nam như sau:

“b.7) ...Cơ quan thuế khi kiểm tra việc khấu trừ, hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu thanh toán qua tài khoản vãng lai, cần phối hợp với tổ chức tín dụng nơi người mua phía nước ngoài mở tài khoản để đảm bảo việc thanh toán, chuyển tiền thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật. Người nhập cảnh mang tiền qua biên giới phải kê khai rõ số tiền mang theo là tiền thanh toán cụ thể đối với từng hợp đồng mua bán hàng hóa và tờ khai xuất khẩu hàng hóa; đồng thời xuất trình hợp đồng mua bán hàng hóa, tờ khai xuất khẩu để công chức hải quan kiểm tra, đối chiếu. Trường hợp người nhập cảnh không phải là đại diện doanh nghiệp nước ngoài trực tiếp ký hợp đồng mua bán với doanh nghiệp Việt Nam thì phải có giấy ủy quyền (bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh, cùng với bản chính bằng tiếng của nước có đường biên giới cửa khẩu tiếp giáp) của tổ chức, cá nhân nước ngoài đã ký hợp đồng mua bán nêu trên. Giấy ủy quyền này chỉ áp dụng cho một lần mang tiền vào Việt Nam và phải ghi rõ số lượng tiền mang vào theo hợp đồng mua bán cụ thể.”

h) Điều 18:

+ Hướng dẫn rõ việc hoàn thuế GTGT của cơ sở kinh doanh đang hoạt động có dự án đầu tư cùng tỉnh, thành phố.

+ Hướng dẫn rõ cách xác định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn thuế GTGT đối với trường hợp CSKD vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu vừa có hàng hóa, dịch vụ bán ra trong nước.

+ Bổ sung hướng dẫn chưa phải điều chỉnh lại số thuế GTGT đã kê khai, đã khấu trừ hoặc hoàn thuế trong trường hợp CSKD đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng phải giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động chưa phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động kinh doanh chính theo dự án đầu tư, cụ thể:

“5. ...Cơ sở kinh doanh trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng phải giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động chưa phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động kinh doanh chính theo dự án đầu tư thì chưa phải điều chỉnh lại số thuế giá trị gia tăng đã kê khai, khấu trừ hoặc đã được hoàn. Cơ sở kinh doanh phải thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động theo quy định.

Trường hợp cơ sở kinh doanh sau khi làm đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản thì đối với số thuế GTGT đã được hoàn thực hiện theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản và quản lý thuế; đối với số thuế GTGT chưa được hoàn thì không được giải quyết hoàn thuế.

Trường hợp cơ sở kinh doanh chấm dứt hoạt động và không phát sinh thuế GTGT đầu ra của hoạt động kinh doanh chính thì phải nộp lại số thuế đã được hoàn vào ngân sách nhà nước. Trường hợp có phát sinh bán tài sản chịu thuế GTGT thì không phải điều chỉnh lại số thuế GTGT đầu vào tương ứng của tài sản bán ra.”

2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 về quản lý thuế.

a) Điều 11:

+ Hướng dẫn nộp thuế theo tỷ lệ đối với trường hợp xây dựng, lắp đặt, bán hàng vắng lai ngoại tỉnh mà giá trị công trình xây dựng, lắp đặt, bán hàng vắng lai ngoại tỉnh bao gồm cả thuế GTGT từ 1 tỷ đồng trở lên.

Trước đây: Không hướng dẫn về giá trị công trình xây dựng, lắp đặt, bán hàng vắng lai ngoại tỉnh để kê khai thuế tại nơi có công trình.

+ Bổ sung hướng dẫn nộp thuế đối với NNT có công trình liên quan đến nhiều địa phương, cụ thể:

“Trường hợp người nộp thuế có công trình xây dựng, lắp đặt ngoại tỉnh liên quan tới nhiều địa phương như: xây dựng đường giao thông, đường dây tải điện, đường ống dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí,..., không xác định được doanh thu của công trình ở từng địa phương cấp tỉnh thì người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng của doanh thu xây dựng, lắp đặt ngoại tỉnh chung với hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tại trụ sở chính và nộp thuế GTGT cho các tỉnh nơi có công trình đi qua. Số thuế GTGT phải nộp cho các tỉnh được tính theo tỷ lệ (%) giá trị đầu tư của công trình tại từng tỉnh do người nộp thuế tự xác định nhân (x) với 2% doanh thu chưa có thuế GTGT của hoạt động xây dựng công trình.

Số thuế GTGT đã nộp (theo chứng từ nộp thuế) của hoạt động xây dựng công trình liên tỉnh được trừ (-) vào số thuế phải nộp trên Tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT) của người nộp thuế tại trụ sở chính.

Người nộp thuế lập Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp cho các địa phương nơi có công trình xây dựng, lắp đặt liên tỉnh (mẫu số 01-7/GTGTban hành kèm theo Thông tư này) và sao gửi kèm theo Tờ khai thuế GTGT cho Cục Thuế nơi được hưởng nguồn thu thuế GTGT.”

+ Bãi bỏ Bảng kê HHDV mua vào, bán ra trong Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng và thuế TTĐB.

b) Điều 27:

Hướng dẫn về đồng tiền nộp thuế và xác định doanh thu, chi phí, giá tính thuế và các khoản nộp NSNN, cụ thể:

“...2. Trường hợp người nộp thuế có nghĩa vụ phải nộp bằng ngoại tệ nhưng được cơ quan có thẩm quyền cho phép nộp thuế bằng đồng Việt Nam thì người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế căn cứ số tiền Việt Nam Đồng trên chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước và tỷ giá quy định tại Khoản này để quy đổi thành số tiền bằng ngoại tệ để thanh toán cho khoản nghĩa vụ phải nộp bằng ngoại tệ, cụ thể như sau:

Trường hợp nộp tiền tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước thì áp dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm người nộp thuế nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

Ví dụ: Công ty X là người nộp thuế có nghĩa vụ phải nộp bằng ngoại tệ nhưng được cơ quan có thẩm quyền cho phép nộp thuế bằng đồng Việt Nam. Công ty X mở tài khoản tại 3 ngân hàng là Ngân hàng A, Ngân hàng B và Ngân hàng C. Ngày 21/3/2015, tỷ giá mua vào đồng đô la Mỹ tại Ngân hàng A là 21.300 VND/USD, tại Ngân hàng B là 21.310 VND/USD, tại Ngân hàng C là 21.305 VND/USD. Ngày 21/3/2015, Công ty X nộp thuế bằng đồng Việt Nam tại tổ chức tín dụng D hoặc Kho bạc Nhà nước quận E thì Công ty X được áp dụng tỷ giá mua vào của một trong ba ngân hàng A, B, C. Nếu Công ty X nộp thuế bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng A thì áp dụng tỷ giá là 21.300 VND/USD.

3. Trường hợp phát sinh doanh thu, chi phí, giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản.

- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán chi phí là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ.

- Các trường hợp cụ thể khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.”

c) Bãi bỏ quy định về gia hạn nộp thuế đối với trường hợp người nộp thuế chưa được thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã được ghi trong dự toán NSNN.

d) Về tỷ lệ tính tiền chậm nộp:

- Từ 01/01/2015, tiền chậm nộp được tính theo mức 0,05% số tiền thuế chậm nộp tính trên mỗi ngày chậm nộp.

- Đối với các khoản tiền thuế khai thiếu của kỳ thuế phát sinh trước ngày 01/01/2015 nhưng sau ngày 01/01/2015, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra hoặc người nộp thuế tự phát hiện thì áp dụng tiền chậm nộp theo mức 0,05%/ngày tính trên số tiền thuế khai thiếu cho toàn bộ thời gian chậm nộp.

e) Về trường hợp không phải nộp tiền chậm nộp

Người nộp thuế cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng chưa được thanh toán nên không nộp thuế kịp thời dẫn đến nợ thuế thì không phải nộp tiền chậm nộp tiền thuế.

f) Về miễn tiền chậm nộp

- Về xác định số tiền chậm nộp được miễn: số tiền chậm nộp được miễn tính trên số tiền thuế còn nợ tại thời điểm xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh... và số tiền chậm nộp được miễn này không vượt quá giá trị bị thiệt hại.

- Về hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp: trường hợp NNT bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp phải có biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản của cơ quan có thẩm quyền như Hội đồng định giá do Sở Tài chính thành lập, hoặc các công ty định giá chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ định giá theo hợp đồng, hoặc Trung tâm định giá của Sở Tài chính.

- Về trình tự giải quyết hồ sơ miễn tiền chậm nộp: Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày xảy ra gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo hoặc trường hợp bất khả kháng khác người nộp thuế phải lập hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

g) Về hồ sơ áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với hãng vận tải nước ngoài.

g.1) Sửa đổi các nội dung sau:

- Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài sửa đổi từ khai theo quý sang thành tạm nộp theo quý và quyết toán theo năm.

- Về Hồ sơ Thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định: Bãi bỏ toàn bộ quy định về Tài liệu chứng minh hãng vận tải nước ngoài khai thác tàu theo từng hình thức (Chứng từ điều hành tàu, hợp đồng vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng đường biển, và Chứng từ vận chuyển).

Và thay thế bằng hướng dẫn sau:

Đại lý của hãng vận tải nước ngoài tại Việt Nam hoặc Văn phòng Đại diện của hãng vận tải nước ngoài có trách nhiệm lưu trữ các hồ sơ, tài liệu, chứng từ theo quy định của Luật kế toán, Nghị định hướng dẫn Luật kế toán và Bộ Luật Hàng hải và xuất trình khi cơ quan thuế yêu cầu.

Trường hợp các hãng vận tải nước ngoài có các đại lý tại nhiều địa phương ở Việt Nam hoặc các đại lý của hãng vận tải nước ngoài có các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại nhiều địa phương ở Việt Nam thì chỉ phải nộp bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú đã hợp pháp hóa lãnh sự cho Cục Thuế địa phương nơi đại lý của hãng vận tải nước ngoài có trụ sở chính và gửi bản chụp tài liệu này cho các Cục Thuế địa phương nơi hãng vận tải nước ngoài có chi nhánh và ghi rõ nơi đã nộp bản gốc. Hãng vận tải nước ngoài hoặc

đại lý của hãng vận tải nước ngoài phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký thuế (hoặc Giấy đăng ký kinh doanh) cho cơ quan thuế.

g.2) Sửa đổi về hồ sơ hoàn thuế theo hướng hồ sơ hoàn thuế của các đối tượng đề nghị áp dụng Hiệp định không bao gồm Chứng từ nộp thuế.

Riêng đối với các hãng vận tải nước ngoài, hồ sơ hoàn thuế không bao gồm chứng từ chứng minh cho việc doanh nghiệp khai thác tàu, chứng từ nộp thuế và xác nhận của tổ chức, cá nhân Việt Nam ký kết hợp đồng về thời gian và tình hình hoạt động thực tế theo hợp đồng.

g.3) Bổ sung về việc các hồ sơ hoàn thuế của hãng vận tải nước ngoài theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau và việc kiểm tra sau hoàn thuế phải được thực hiện trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày có quyết định hoàn thuế.

3. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

a) Điều 4:

Bỏ hướng dẫn cơ sở kinh doanh phải đăng ký sử dụng dấu ngăn cách và chữ viết không dấu trên hóa đơn.

Trước đây: CSKD phải có văn bản đăng ký với cơ quan thuế.

b) Điều 6, Điều 8:

Bổ sung hướng dẫn sau 5 ngày làm việc cơ quan thuế quản lý trực tiếp không có ý kiến bằng văn bản thì tổ chức được sử dụng hóa đơn tự in/đặt in.

c) Điều 9:

Bỏ quy định cơ quan thuế quản lý trực tiếp xác định số lượng hóa đơn được thông báo phát hành để sử dụng từ 3 tháng đến 6 tháng tại Thông báo phát hành hóa đơn của doanh nghiệp.

Trước đây: Cơ quan thuế quản lý trực tiếp xác định số lượng hóa đơn được thông báo phát hành để sử dụng từ 3 tháng đến 6 tháng tại Thông báo phát hành hóa đơn của doanh nghiệp.

d) Điều 14:

Bổ sung hướng dẫn về việc kết nối với cơ quan thuế để gửi thông tin cho cơ quan thuế theo lộ trình triển khai của cơ quan thuế đối với NNT kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, siêu thị ... có sử dụng hệ thống máy tính tiền, hệ thống cài đặt phần mềm bán hàng để thanh toán.

Trước đây: chưa có quy định.

e) Điều 16 và Phụ lục 4:

Hướng dẫn cụ thể trường hợp không xuất hóa đơn đối với hàng hóa tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh.

Trước đây: Chưa hướng dẫn cụ thể trường hợp này.

f) Điều 16:

Bổ sung hướng dẫn đối với trường hợp hóa đơn đã lập có sai sót về tên, địa chỉ người mua nhưng ghi đúng mã số thuế người mua thì các bên lập biên bản điều chỉnh và không phải lập hóa đơn điều chỉnh. Các trường hợp hóa đơn đã lập có sai sót khác thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 20 Thông tư số 39/2014/TT-BTC.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

Thông tư 202/2015/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất



Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

➤ Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng Thông tư:

Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và phương pháp kế toán xử lý các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, giữa tập đoàn và công ty liên doanh, liên kết.

Áp dụng cho các doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty mẹ - công ty con thuộc các ngành, các thành phần kinh tế khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Doanh nghiệp được vận dụng các nguyên tắc hợp nhất của Thông tư này để lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

➤ Một số điểm mới của Thông tư 202/2014/TT-BTC

Bổ sung các quy định cụ thể về nguyên tắc lập BCTC hợp nhất như: Ghi nhận chênh lệch giữa giá trị hợp lý (FV) và giá trị ghi sổ (NBV) trong tài sản thuần của công ty con; Ghi nhận thuế hoãn lại từ hợp nhất kinh doanh; Xử lý lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ theo Chuẩn mực kế toán Quốc tế...;

Lợi ích cổ đông không kiểm soát: Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát theo 2 phương pháp;

Bổ sung một mục riêng để xử lý cổ tức ưu đãi của cổ đông không kiểm soát và quỹ khen thưởng phúc lợi;

Loại trừ các giao dịch nội bộ: Bổ sung một số giao dịch mới như góp vốn vào công ty con bằng tài sản phi tiền tệ; Xử lý cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị định 71/2013/NĐ-CP; Sửa đổi phương pháp hợp nhất đối với các khoản cho vay trong nội bộ...;

Bổ sung nội dung hướng dẫn xử lý các khoản dự phòng trong doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất;

Bổ sung nội dung hướng dẫn giải quyết việc tái cấu trúc tập đoàn, gồm 3 nội dung: Thoái đầu tư; Công ty con phát hành cổ phiếu riêng lẻ; Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung.

Bổ sung nội dung hướng dẫn xử lý hợp nhất cho tập đoàn đa cấp và sở hữu chéo (tập đoàn dọc);

Bổ sung nội dung hướng dẫn về Báo cáo lưu chuyển tệ hợp nhất;

Bổ sung nội dung hướng dẫn về phương pháp vốn chủ sở hữu đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết; ...

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 05/02/2015, áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015

Thông tư 09/2015/TT-BTC hướng dẫn giao dịch tài chính của doanh nghiệp

Ngày 29/01/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 09/2015/TT-BTC hướng dẫn giao dịch tài chính của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 222/2013/NĐ-CP của Chính phủ:

➤ Đối với giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp

1. Các doanh nghiệp không sử dụng tiền mặt để thanh toán khi thực hiện các giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp vào doanh nghiệp khác mà sử dụng các hình thức (quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này) bao gồm:

- a) Thanh toán bằng Séc;
- b) Thanh toán bằng ủy nhiệm chi – chuyển tiền;
- c) Các hình thức thanh toán không sử dụng tiền mặt phù hợp khác theo quy định hiện hành.

2. Doanh nghiệp khi thực hiện giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp vào doanh nghiệp khác bằng tài sản (không phải bằng tiền) thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

➤ Đối với giao dịch vay, cho vay và trả nợ vay lẫn nhau giữa các doanh nghiệp

1. Các doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng khi thực hiện các giao dịch vay, cho vay và trả nợ vay lẫn nhau sử dụng các hình thức thanh toán được quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

2. Các doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng khi thực hiện giao dịch vay, cho vay và trả nợ vay lẫn nhau bằng tài sản (không phải bằng tiền), đối trừ công nợ, chuyển giao nghĩa vụ nợ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 17/03/2015



Thông tư 05/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán



Ngày 15/01/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 05/2015/TT-BTC quy định về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, tổ chức phát hành, ngân hàng thanh toán và các khách hàng đăng ký, lưu ký, thanh toán giao dịch chứng khoán.

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 15/03/2015

Nghị định 05/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động

Ngày 12/01/2015, Chính phủ ban hành Nghị định 05/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động. Nghị định hướng dẫn và quy định về các nội dung dưới đây:

- Hợp đồng lao động;
- Thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể;
- Tiền lương;
- Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất;
- Giải quyết tranh chấp lao động;



Nội dung chi tiết xem tại Nghị định.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2015

Nghị định 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư



Ngày 14/02/2015, Chính phủ ban hành Nghị định 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Đầu tư theo hình thức đối tác công tư là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để thực hiện, quản lý, vận hành dự án kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công.

Nghị định hướng dẫn và quy định về các nội dung sau:

- Nguồn vốn thực hiện dự án;
- Xây dựng và công bố dự án;
- Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Lựa chọn nhà đầu tư và ký kết thỏa thuận đầu tư, hợp đồng dự án;

- Thủ tục đăng ký đầu tư và thành lập doanh nghiệp dự án;
- Triển khai thực hiện dự án;
- Quyết toán và chuyển giao công trình dự án;
- Ưu đãi và bảo đảm đầu tư;
- Trách nhiệm quản lý Nhà nước về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Nội dung chi tiết xem tại Nghị định.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 10/04/2015

Thông tư 01/2015/TT-BTC hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết

Ngày 05/01/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 01/2015/TT-BTC hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết. Nội dung Thông tư bao gồm các nội dung về:

- Đối tượng đăng ký giao dịch;
- Hồ sơ và thủ tục đăng ký giao dịch;
- Các trường hợp và hồ sơ, thủ tục thay đổi đăng ký giao dịch;
- Các trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch



Chi tiết các nội dung xem tại Thông tư

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2015

Nghị định 128/2014/NĐ-CP về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước



Ngày 31/12/2014, Chính phủ ban hành Nghị định 128/2014/NĐ-CP về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. Nghị định bao gồm các quy định về:

- Bán doanh nghiệp;
- Giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động;
- Chuyển giao doanh nghiệp;
- Chính sách đối với doanh nghiệp và người mua, giao nhận, chuyển giao;
- Tổ chức thực hiện bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp.

Chi tiết nội dung xem tại Nghị định.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2015

Thu cổ tức được chia và lợi nhuận còn lại năm 2015

Ngày 26/03/2015, Bộ Tài chính ban hành Công văn tới Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn về việc thu cổ tức được chia và lợi nhuận còn lại năm 2015.

Theo đó, hàng quý, căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính quý doanh nghiệp thực hiện khai, nộp vào NSNN số lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN của quý chậm nhất vào ngày thứ 30 của quý liền sau quý phát sinh nghĩa vụ nộp lợi nhuận còn lại. Kết thúc năm tài chính, căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015, doanh nghiệp thực hiện khai quyết toán lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN năm 2015 và nộp vào NSNN số lợi nhuận còn lại còn phải nộp (nếu có) cùng thời điểm quyết toán thuế TNDN năm 2015. Các mẫu tờ khai thực hiện theo Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 5/12/2013 của Bộ Tài chính.



Công văn số 3916 /BTC-TCT ngày 26/03/2015 của Bộ Tài chính

Thông tư 205/2014/TT-BTC hướng dẫn về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình thủ tục công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp



Ngày 24/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 205/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 127/2012/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2012 hướng dẫn về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình thủ tục công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp. Một số điểm sửa đổi cần lưu ý như sau:

- Sửa đổi điểm d Khoản 1 Điều 3 như sau:

“d) Có ít nhất ba (03) thẩm định viên về giá đã được Bộ Tài chính cấp thẻ thẩm định viên về giá; Các thẩm định viên về giá phải là người có hợp đồng lao động

không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 22 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 với tổ chức tư vấn định giá;”

- Sửa đổi Khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Tổ chức tư vấn định giá không đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều này được xử lý như sau:

- a) Bị loại ra khỏi danh sách tổ chức tư vấn định giá khi không đáp ứng được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này. Trường hợp các tổ chức này đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ, điểm e Khoản 1 Điều 3 Thông tư này thì được đăng ký lại để trở thành tổ chức tư vấn định giá theo quy định tại Thông tư này;
- b) Bị loại ra khỏi danh sách tổ chức tư vấn định giá khi không đáp ứng được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này do không nộp đầy đủ báo cáo hoặc chậm nộp báo cáo kết quả hoạt động. Các tổ chức này được phép đăng ký lại để trở thành tổ chức tư vấn định giá trong năm liền kề tiếp theo nếu đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này;
- c) Bị loại ra khỏi danh sách tổ chức tư vấn định giá khi không đáp ứng được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này do không nộp báo cáo kết quả hoạt động. Các tổ chức này được phép đăng

ký lại để trở thành tổ chức tư vấn định giá sau thời hạn ba (03) năm nếu đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này.”

- Bổ sung Phụ lục 5 quy định mẫu Báo cáo kết quả hoạt động của tổ chức tư vấn định giá.

Chi tiết các nội dung sửa đổi khác xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 09/02/2015

Thông tư 199/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm

Ngày 19/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 199/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm. Thông tư quy định một số Tài khoản, nguyên tắc, phương pháp hạch toán, mẫu Báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe và doanh nghiệp tái bảo hiểm nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.



Chi tiết nội dung xem tại Thông tư

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016

Liên hệ

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời liên hệ:

Phụ trách Bản tin:

Ông Lê Thành Công

Tổng Giám đốc
Phụ trách chung

Tel: +84 4 62662284
Mobile: 0913535125
Email: lecong@atcf.vn

Ông Phan Thanh Quân

Phó Tổng Giám đốc
Kiểm duyệt nội dung

Tel: +84 4 62662284
Mobile: 0983612181
Email: quanpt@atcf.vn

Ông Tạ Quốc Huy

Phó phòng kiểm toán
Phụ trách biên tập

Tel: +84 4 62662284
Mobile: 0989204959
Email: quochuy@atcf.vn

Trụ sở chính:

Phòng 201, Tầng 2, toà nhà 262 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Hà Nội, Việt Nam
Tel: + 84 4 62662284
Fax: + 84 4 62662285
Website: atcf.vn

Chi nhánh tại Thành phố HCM

Văn phòng đại diện tại: Điện Biên, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Dương, Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Dương

(Thông tin liên hệ trực tiếp với các văn phòng tại website: atcf.vn)

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin khái quát, đây là một trong những hoạt động hỗ trợ khách hàng thường xuyên của ATC. Tuy nhiên, trước khi đưa ra một quyết định hoặc thực hiện một hành động có thể ảnh hưởng đến vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh, người sử dụng tài liệu cần tham vấn chuyên gia của chúng tôi hoặc các chuyên gia (công ty) tư vấn có chuyên môn. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại do kết quả của việc người đọc dựa vào tài liệu này.

© 2015 ATC Auditing and Valuation Firm Company Limited